TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05-6-2025.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Hoan và ông Lê Ngọc Tâm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thê – Thẩm tra viên TAND tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà:*** bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2025/TLST–HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025, về: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1989, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nơi tạm trú: Tổ E, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Quang H, sinh năm 1990, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở hiện nay: Rua da vaidade.il ha.luanda, Cộng hòa Ăng-gô-la, vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/02/2025, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi Nguyễn Thị K và anh Lê Quang H đăng ký ngày 23-3-2011 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống tại xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và có với nhau hai cháu. Đến năm 2014 vì hoàn cảnh khó khăn nên anh H đi xuất khẩu lao động tại Ăng-gô-la. Thời gian đầu mới qua Ăng-gô-la thì chúng tôi còn liên lạc với nhau qua điện thoại. Nhưng sau đó thì ít liên lạc với nhau, anh H không còn quan tâm đến gia đình, cuộc sống của tôi và con cái nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do khoảng cách địa lý quá xa giữa tôi và H nên tôi có nguyện vọng được ly hôn với H.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, tôi và anh Lê Quang H có hai con chung là cháu Lê N, sinh ngày 31/5/2012 và cháu Lê Bá N1, sinh ngày 03/4/2014. Hiện tại cả hai cháu đều đang ở với tôi. Sau khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu. Cả hai con chung là cháu N và cháu N1 cũng có nguyện vọng được

sống với mẹ. Anh Lê Quang H được quyền thăm nom con, tôi sẽ không cản trở. Tôi không yêu cầu anh Lê Quang H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Lê Quang H không có tài sản chung và nợ chung nên chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Văn bản trình bày ý kiến đề ngày 27/3/2025 của anh Lê Quang H, có chứng thực lãnh sự của Đ tại Angola thể hiện ý kiến của anh Lê Quang H như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và vợ tôi là Nguyễn Thị K tự nguyện kết hôn từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã D ngày 23/05/2011. Năm 2014 tôi đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa Ăng-gô-la. Nay chị Nguyễn Thị K có đơn đề nghị ly hôn thì ý kiến của tôi là đồng thuận.
- Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là cháu Lê N, sinh ngày 31/5/2012 và cháu Lê Bá N1, sinh ngày 03/4/2014, chị Nguyễn Thị K có nguyện vọng nuôi hai con chung và không yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi con chung thì quan điểm của tôi là đồng ý.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.
- Về việc giải quyết vụ án: Hiện tại tôi đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Ăng-gô-la nên không thể tham gia các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử theo lịch đã thông báo nên tôi đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt tôi tất cả các buổi làm việc và xét xử và tôi có làm đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 26/3/2025 của cháu Lê N và cháu Lê Bá N1 đều thể hiện nguyện vọng: Khi bố mẹ ly hôn hai cháu đều xin được ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã tuân thủ, thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị K:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Lê Quang H.
- Về con chung: Giao cháu Lê N, sinh ngày 31/5/2012 và cháu Lê Bá N1, sinh ngày 03/4/2014 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N, cháu N1 đủ 18 tuổi.

Anh Lê Quang H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung nên các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị K không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị K có quốc tịch Việt Nam, địa chỉ: Thôn L, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bị đơn anh Lê Quang H có quốc tịch Việt Nam, có hộ khẩu thường trú: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở hiện nay: Rua da vaidade.il ha.luanda, Cộng hòa Ăng-gô-la. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 40, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 51, 56, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Quang H có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị K, thấy rằng:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Lê Quang H được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 23/3/2011. Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị K và anh Lê Quang H là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chị K, anh H sống chung một thời gian sau đó anh H đã đi xuất khẩu lao động sang Cộng hòa Ăng-gô-la từ năm 2014 cho đến nay. Hiện tại vợ chồng chị K, anh H sống xa nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị K và anh H không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị K với anh Lê Quang H.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị K và anh Lê Quang H có hai con chung là cháu Lê N, sinh ngày 31/5/2012 và cháu Lê Bá N1, sinh ngày 03/4/2014. Hiện tại cả hai cháu đều đang ở với chị Nguyễn Thị K. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu. Mặt khác, cháu N và cháu N1 đều có nguyện vọng được sống với mẹ, anh Lê Quang H cũng đồng ý để hai cháu sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo việc phát triển tâm sinh lý cũng như quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp nhận nguyện vọng của chị K là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung và công nợ chung: Chị K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị K phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 37, Điều 40; Điều 469, Điều 474, Điều 476, Điều 477, Điều 478, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều

81, Điều 82, Điều 83, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Lê Quang H.

2. Về con chung: Giao cháu Lê N, sinh ngày 31/5/2012 và cháu Lê Bá N1, sinh ngày 03/4/2014 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N và cháu N1 đủ 18 tuổi.

Anh Lê Quang H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung nên các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị K không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị K đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000047 ngày 26/02/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, quyết định hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA - PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hồng